

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 330/2020/HS-ST
Ngày: 10-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Ngọc Cảnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Xuân Thủy**

Ông **Nguyễn Văn Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Liên** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Bích Phượng** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 254/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 297/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2020/HSST-QĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. TRẦN THỊ N, sinh ngày 14/5/19XX tại H N; ĐKKHKT và nơi cư trú: thôn M Đ, xã N M, huyện L N, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Lệnh N và bà Nguyễn Thị H; có chH Nguyễn Đức D và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại

ngoại, có mặt.

2. NGUYỄN THỊ H T, sinh ngày 07/3/19XX tại H N; ĐKHKTT và nơi cư trú: Tổ dân phố V 5, phường C N 2, quận B T L, TP Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (Đã chết) và bà Chu Thị N; cH, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/3/2020 đến ngày 08/3/2020, hiện tại ngoại có mặt.

3. TRẦN THỊ H, sinh ngày 03/7/19XX tại H N; ĐKHKTT: số X ngách Y/Z L T T, phường K M, quận T X, TP Hà Nội; nơi cư trú: phòng X tòa Y H G P, phường M L, quận H Đ, TP Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tất C và bà Trần Thị H; có cH Nguyễn Tuấn A và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. TRẦN TUẤN V, sinh ngày 25/11/19XX tại H N; ĐKHKTT và nơi cư trú: thôn T S, xã A N, huyện B L, tỉnh Hà Nam; nơi tạm trú khi bị bắt: ngõ X P K, phường T V, quận N T L, TP Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q và bà Phan Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/3/2020 đến ngày 09/3/2020, hiện tại ngoại có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 05/3/2020, tổ công tác của Đội Cảnh sát Kinh tế - Công an quận Bắc Từ Liêm đang làm nhiệm vụ tại khu vực trước cổng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thuộc phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội phát hiện Trần Tuấn V điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Dream BKS: 90H9 - XXX đang dừng đỗ có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra hành chính. Quá trình kiểm tra hành chính phát hiện trên xe máy có treo 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa có 06 vỏ bao đựng

giấy A4 gồm: 16 Giấy khám sức khỏe khổ giấy A3 có dán ảnh, có dấu giáp lai và đóng dấu “Bệnh viện E”, 02 giấy xác nhận nằm viện có đóng dấu “Bệnh viện E”, 02 giấy ra viện có đóng dấu “Bệnh viện E”; 02 Giấy khám sức khỏe khổ A4 có đóng dấu Bệnh viện E và 01 kết quả xét nghiệm có đóng dấu “Bệnh viện E” (Tất cả tài liệu trên đều có chữ ký và dấu tên của “GS. TS Lê Ngọc Thành”) nghi là giả. Tổ công tác đưa V về cơ quan Công an để tiếp tục điều tra làm rõ.

Kết quả xác minh ban đầu, V khai đã hoàn thiện sổ giấy khám sức khỏe trên từ quán photo của Nguyễn Thị H T rồi mang đi giao cho khách. Khi nhận sổ tài liệu này, V biết là giấy tờ giả nhưng vì ham lời nên V vẫn tham gia. Căn cứ lời khai của V, ngày 05/3/2020, cơ quan CSĐT - Công an quận Bắc Từ Liêm đã ra lệnh khám xét khẩn cấp số X tại cửa hàng kinh doanh photo của T số X+Y đường C N, quận B T L, thành phố Hà Nội. Qua khám xét đã thu giữ:

- + 01 (một) giấy ra viện có đóng dấu của Bệnh viện giao thông vận tải trung ương, có dấu chữ trưởng phòng kế hoạch tổng hợp BSCK II Nguyễn Thị Xuân Loan, chưa có chữ ký và nội dung họ tên bệnh nhân.

- + 01 (một) giấy in ảnh khổ A4 bên trong có 09 ảnh chân dung người, kích thước (4x6)cm.

- + 02 (hai) vỏ bao đựng giấy A4.

- + 01 (một) cuộn băng dính hai mặt màu trắng.

- + 01 (một) máy in màu Canon, màu đen.

- + 01 (một) cây máy tính, màu đen Model D03S.

- + 01 (một) màn hình Samsung, màu đen Model B1930N.

- + 01 xe máy Honda Dream, BKS: 90H9 - XXXX.

Ngày 05/3/2020, cơ quan CSĐT - Công an quận Bắc Từ Liêm đã ra lệnh khám xét khẩn cấp số 110 tại chỗ ở của T số X ngõ Y đường C N, quận B T L, thành phố Hà Nội kết quả không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Ngày 06/3/2020, cơ quan CSĐT - Công an quận Bắc Từ Liêm đã ra lệnh khám xét khẩn cấp số 111 khám xét nơi ở của Trần Tuấn V tại ngõ X P

K, T V, N T L, Hà Nội không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Ngày 17/3/2020, cơ quan CSĐT - Công an quận Bắc Từ Liêm ra quyết định trưng cầu giám định số 243 trưng cầu đối với số tài liệu có chữ ký và con dấu của bệnh viện E và bệnh viện Giao thông vận tải trung ương thu giữ của Trần Tuấn V và Nguyễn Thị H T.

Ngày 31/3/2020, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội có kết luận giám định số 2449 trả lời quyết định trưng cầu giám định số 243 ngày 17/3/2020 của cơ quan CSĐT - Công an quận Bắc Từ Liêm như sau:

1. Hình dấu tròn “BỆNH VIỆN E - BỘ Y TẾ” trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A25) là hình dấu giả, được tạo ra bằng phương pháp in màu kỹ thuật số.

2. Hình dấu tròn “BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A26) là hình dấu giả, được tạo ra bằng phương pháp in màu kỹ thuật số.

3. Chữ ký đứng tên Lê Ngọc Thành trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A25) với chữ ký đứng tên Lê Ngọc Thành trên mẫu so sánh (Ký hiệu M2) không phải là chữ do cùng một người ký ra.

4. Chữ ký đứng tên Nguyễn Minh Thúy trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A10 đến A25) với chữ ký đứng tên Nguyễn Minh Thủy trên mẫu so sánh (Ký hiệu M2) không phải là chữ do cùng một người ký ra.

5. Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Vân trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A10 đến A25) với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Vân trên mẫu so sánh (Ký hiệu M2) không phải là chữ do cùng một người ký ra.

6. Chữ ký đứng tên Nguyễn Duy Bích trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A10 đến A25) với chữ ký đứng tên Nguyễn Duy Bích trên mẫu so sánh (Ký hiệu M2) không phải là chữ do cùng một người ký ra.

Như vậy, tất cả tài liệu thu giữ của Trần Tuấn V và Nguyễn Thị H T có chữ ký và con dấu của Bệnh viện E và Bệnh viện Giao thông vận tải trung ương đều là các tài liệu giả.

Quá trình điều tra xác định:

Khoảng tháng 3 năm 2019, Trần Thị N lên mạng xã hội facebook bằng tài khoản “Nguyễn Thùy” đặt mua 01 giấy khám sức khỏe của người có tài khoản facebook “Trần Bảo” để đi xin việc với giá 140.000 đồng/01 tờ giấy khám sức khỏe. N gửi ảnh chân dung của mình cho người sử dụng tài khoản facebook “Trần Bảo”. Sau khi làm xong giấy khám sức khỏe có chữ ký của bác sĩ và dấu của bệnh viện E thì người sử dụng tài khoản facebook “Trần Bảo” thuê người mang đến cho N, N thanh toán tiền mặt cho người giao giấy khám sức khỏe. Sau đó, do thấy có nhiều người có nhu cầu mua giấy khám sức khỏe nên N đã bán giấy khám sức khỏe. Theo đó khi có khách đặt mua giấy khám sức khỏe, N yêu cầu khách gửi ảnh vào tài khoản zalo “V Hạ” của N số điện thoại 039712XXXX. Sau đó, N gửi ảnh của khách cho người sử dụng tài khoản facebook “Trần Bảo”, để làm hoàn thiện giấy khám sức khỏe có chữ ký của bác sĩ, dấu đỏ Bệnh viện E, dấu giáp lai trên ảnh của khách nhưng chưa ghi thông tin của khách. Người sử dụng tài khoản facebook “Trần Bảo” bán cho N với giá 100.000 đồng/01 tờ. Khi làm xong người sử dụng tài khoản facebook “Trần Bảo” thuê người mang đến cho N, N thanh toán tiền mặt cho người giao giấy khám sức khỏe. Sau đó, N mang giấy khám sức khỏe trực tiếp đi bán cho khách với giá 120.000 đồng/01 tờ, N thu lời 20.000 đồng/01 tờ. Việc thanh toán giữa N và người sử dụng tài khoản facebook “Trần Bảo” đều là tiền mặt thông qua người giao giấy khám sức khỏe.

Khoảng từ giữa tháng 4 năm 2019, N mua giấy khám sức khỏe chưa có ảnh của người sử dụng tài khoản facebook “Trần Bảo” với giá 80.000 đồng/01 tờ. Sau khi khách gửi ảnh cho N, N gửi lại cho người sử dụng tài khoản facebook “Trần Bảo” để chỉnh sửa, ghép $\frac{1}{4}$ hình dấu đỏ ở góc dưới bên phải ảnh rồi gửi lại cho N vào zalo “V Hạ”. Do không có máy để in ảnh, N đã ra quán photo tại địa chỉ số 392 đường Cổ Nhuế, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội của Nguyễn Thị H T in ra trên khổ giấy A4 kích cỡ (4x6)cm có $\frac{1}{4}$ dấu đỏ ở góc dưới bên phải. N lấy ảnh và dán vào giấy khám sức khỏe đã có $\frac{3}{4}$ dấu đỏ giáp lai và bán cho khách với giá 120.000 đồng/01 tờ. Mỗi tấm ảnh có sẵn

dấu, N trả cho T 6.000 đồng/ảnh.

Đến đầu tháng 3 năm 2020, người sử dụng tài khoản facebook “Trần Bảo” nhắn tin hỏi N bán giấy khám sức khỏe, thì N đồng ý. Khi có khách hỏi mua thì N gửi ảnh của khách từ tài khoản zalo “V Hạ” đến người sử dụng tài khoản facebook “Trần Bảo” và người sử dụng tài khoản facebook “Trần Bảo” hẹn cuối tháng trả tiền công cho N. Do lúc này N đang nuôi con nhỏ ở xã N M, huyện L N, tỉnh Hà Nam nên N nhờ bạn là Trần Thị H đang làm việc tại số 82 Duy Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội nhận giấy khám sức khỏe có sẵn $\frac{3}{4}$ dấu đỏ Bệnh viện E và ảnh có $\frac{1}{4}$ hình dấu đỏ Bệnh viện E do người sử dụng tài khoản facebook “Trần Bảo” cho người mang đến. Sau đó, N nhờ H dán ảnh đã có $\frac{1}{4}$ hình dấu đỏ Bệnh viện E vào giấy khám sức khỏe đã có $\frac{3}{4}$ hình dấu đỏ của Bệnh viện E và thuê người đến lấy để giao cho khách mua. Sau khi nhận ảnh và giấy khám sức khỏe từ người sử dụng tài khoản facebook “Trần Bảo” chuyển đến, N hướng dẫn H cắt từng ảnh và dán lên giấy khám sức khỏe. Sau khi H dán ảnh vào giấy khám sức khỏe có dấu giáp lai của Bệnh viện E đã có đầy đủ dấu và chữ ký của bác sĩ, nhưng chưa có thông tin của người khám bệnh, thì N nhờ người sử dụng tài khoản facebook “Trần Bảo” gọi người đến chỗ H lấy giấy khám sức khỏe chuyển cho khách. Khi giao giấy khám sức khỏe cho những người vận chuyển giấy khám sức khỏe thì H thu tiền của những người này. Sau khi thu được tiền, H dùng ứng dụng internet banking với số tài khoản 19033134520015 của ngân hàng Techcombank chuyển khoản lại cho N số tài khoản 1450251275055 của ngân hàng Agribank, mỗi lần H làm giúp cho N, N trả công cho H từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng.

Đến ngày 05/3/2020, có khách đặt mua giấy khám sức khỏe, N yêu cầu khách chuyển ảnh qua zalo “V Hạ”, N chuyển ảnh cho người sử dụng tài khoản facebook “Trần Bảo” để chỉnh sửa ảnh, sau khi người sử dụng tài khoản facebook “Trần Bảo” chuyển ảnh đã chỉnh sửa cho N, N chuyển ảnh cho T để thuê T in ảnh ra. Đồng thời N đặt mua giấy khám sức khỏe của người sử dụng tài khoản facebook “Trần Bảo” để bán và bảo người sử dụng tài khoản

facebook “Trần Bảo” chuyển số giấy khám sức khỏe đến cho Trần Thị H ở số 82 Duy Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Sau đó, thông qua em gái N là Trần Thị L (sinh năm: 19XX; HKTT: xã B Đ, huyện B L, tỉnh Hà Nam; Hiện ở: huyện C C, thành phố Hồ Chí Minh), N nhờ bạn trai của Lan là Trần Tuấn V đến chỗ của H để lấy giấy khám sức khỏe. V điều khiển xe máy Honda Dream Đến nơi, V dùng số điện thoại 086625XXXX gọi điện đến số điện thoại 098531XXXX của H để lấy giấy khám sức khỏe. Sau khi lấy được giấy khám sức khỏe, V chụp ảnh và gửi vào tài khoản zalo “V Hạ” cho N xác nhận. Sau đó, V mang số giấy khám sức khỏe đến quán photo của T theo hướng dẫn của N để lấy ảnh và cùng T dán ảnh vào giấy khám sức khỏe rồi mang giao cho khách tại trước cổng trường Đại học Công nghiệp thuộc quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Khi V đang đứng đợi khách thì bị cơ quan công an kiểm tra thu giữ số tài liệu giả trên và đưa về trụ sở làm việc.

Đối với người bán giấy khám sức khỏe cho Trần Thị N sử dụng facebook “Trần Bảo” do N không biết rõ tên tuổi, địa chỉ, số điện thoại. Ngoài ra N đã xóa hết thông tin liên quan đến người này nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Đối với những người mua giấy khám sức khỏe giả của Trần Thị N, quá trình điều tra không xác minh được nhân thân lai lịch cụ thể nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với Trần Thị L - em gái của Trần Thị N, quá trình điều tra xác định ngày 05/3/2020, khi L đang làm việc ở thành phố Hồ Chí Minh thì N có nhắn tin hỏi L nhờ bạn ở Hà Nội đi chuyển tài liệu hộ N. Lan đã nhờ Trần Tuấn V (bạn trai của L) đi chuyển tài liệu giúp N, L không hỏi N là tài liệu gì và cũng không biết tài liệu của N là tài liệu giả nên cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với chiếc xe máy Honda Dream, BKS: 90H9-XXXX thu giữ của Trần Tuấn V, qua xác minh xác định chiếc xe là của ông Trần Văn Q (sinh năm: 19XX; HKTT: xã A N, huyện B L, tỉnh Hà Nam) - ông Q là bố đẻ của V, không trong dữ liệu xe vật chứng. Ông Q cho V mượn để sử dụng chiếc xe trên từ tháng 8/2019 cho đến nay, việc V sử dụng xe thực hiện hành vi vi

phạm pháp luật ông Q không biết. Ngày 17/4/2020, cơ quan CSĐT - Công an quận Bắc Từ Liêm đã trả lại cho ông Q chiếc xe máy trên. Ông Q đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

Đối với những vật chứng thu giữ của Trần Tuấn V, Nguyễn Thị H T cần chuyển theo hồ sơ để xử lý theo quy định.

Bản cáo trạng số 258/CT-VKSBL ngày 16/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Trần Thị N, Nguyễn Thị H T, Trần Thị H và Trần Tuấn V về tội *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Trần Thị N, Nguyễn Thị H T, Trần Thị H và Trần Tuấn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã quy kết. các bị cáo đều nhận thức được sai phạm của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được có cơ hội sửa chữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa, lời khai của những người làm chứng, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội đối với bị cáo Trần Thị N, Nguyễn Thị H T, Trần Thị H và Trần Tuấn V về tội *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”*. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị N từ 32 đến 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng; bị cáo Nguyễn Thị H T, Trần Thị H mỗi bị cáo từ 30 đến 34 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng; bị cáo Trần Tuấn V từ 30 đến 32 tháng tù, cho hưởng

án treo, thời gian thử thách 60 tháng.

- Về vật chứng: đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.
- Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Thị N, Nguyễn Thị H T, Trần Thị H và Trần Tuấn V tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, tang vật chứng đã thu giữ, bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Ngày 05/3/2020, Trần Thị N, Nguyễn Thị H T, Trần Thị H và Trần Tuấn V đã có hành vi làm giả 24 con dấu, tài liệu gồm: 16 Giấy khám sức khỏe khổ giấy A3 có dán ảnh, có dấu giáp lai và đóng dấu “Bệnh viện E”, 02 giấy xác nhận nằm viện có đóng dấu “Bệnh viện E”, 02 giấy ra viện có đóng dấu “Bệnh viện E”; 02 Giấy khám sức khỏe khổ A4 có đóng dấu Bệnh viện E; 01 kết quả xét nghiệm có đóng dấu “Bệnh viện E” và 01 giấy ra viện có đóng dấu của Bệnh viện giao thông vận tải Trung ương nhằm mục đích bán kiếm lời. Khoảng 12 giờ ngày 05/3/2020 khi Trần Tuấn V mang giấy tờ giả đi giao cho khách tại trước cổng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thì bị bắt quả tang cùng vật chứng. Hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Thị N, Nguyễn Thị H T, Trần Thị H và Trần Tuấn V đã phạm vào tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ*

chức”, các bị cáo Trần Thị N, Nguyễn Thị H T, Trần Thị H và Trần Tuấn V đều làm giả 24 con dấu, tài liệu nên thuộc trường hợp “*Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên*”. Chính vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã truy tố các bị cáo Trần Thị N, Nguyễn Thị H T, Trần Thị H và Trần Tuấn V về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước, ảnh hưởng đến uy tín cũng như hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức, gây mất trật tự trị an xã hội, hoang mang lo lắng bất bình trong nhân dân. Hơn nữa hành vi phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của các cơ sở y tế đang có chiều hướng gia tăng và ngày càng nghiêm trọng. Do vậy đối với các bị cáo cần phải đưa ra xét xử trước pháp luật mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với các bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh và phòng ngừa loại tội phạm này nói chung.

[4] Đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

- Bị cáo Trần Thị N là người giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo là người khởi xướng, chủ mưu, cầm đầu, dẫn dắt các bị cáo khác vào việc phạm tội nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác trong cùng vụ án.

- Bị cáo Nguyễn Thị H T, Trần Thị H và Trần Tuấn V giúp sức tích cực cho bị cáo Trần Thị N trong việc làm và vận chuyển giấy tờ, tài liệu giả, quá trình phạm tội rất tích cực nên các bị cáo cũng phải chịu một mức hình phạt tương xứng với vai trò phạm tội của các bị cáo.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Tăng nặng: Không.
- Giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình;

các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội; bị cáo Trần Thị N, Trần Thị H đang phải nuôi con còn nhỏ; các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị H T, Trần Thị H và Trần Tuấn V phạm tội với vai trò giúp sức, giản đơn nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo tốt, lần đầu phạm tội, các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng biện pháp chấp hành án có điều kiện, được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ điều kiện để cải tạo các bị cáo trở thành con người lương thiện mà cũng không gây nguy hại cho xã hội.

[7] Xét các bị cáo đều chưa có công ăn việc làm ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) giấy in ảnh khổ A4 bên trong có 09 ảnh chân dung người kích thước 4x6; 02 (hai) vỏ bao đựng giấy A4 và 01 (một) cuộn băng dính màu trắng là tang vật vụ án không có giá trị sử dụng nên tiêu hủy.

- 01 (một) máy in Canon màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) cây máy tính màu đen Model D03S, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) màn hình Samsung màu đen Model B1930N, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HuaWei, màu xanh dương, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppe, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, màu ghi, đã

qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị N, Nguyễn Thị H T, Trần Thị H và Trần Tuấn V phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Thị N 36 (Ba mươi sáu)** tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **05 (Năm)** năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm **10/12/2020**. Giao bị cáo cho UBND xã N M, huyện L N, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo **Nguyễn Thị H T 30 (Ba mươi)** tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **05 (Năm)** năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm **10/12/2020**. Giao bị cáo cho UBND phường C N 2, quận B T L, TP Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Bị cáo **Trần Thị H 30 (Ba mươi)** tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **05 (Năm)** năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm **10/12/2020**. Giao bị cáo cho UBND phường M L, quận H Đ, TP Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Bị cáo **Trần Tuấn V 24 (Hai mươi bốn)** tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **04 (Bốn)** năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm **10/12/2020**. Giao bị cáo cho UBND xã A N, huyện B L, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa

án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự,

- Tiêu hủy 01 (một) giấy in ảnh khổ A4 bên trong có 09 ảnh chân dung người kích thước 4x6; 02 (hai) vỏ bao đựng giấy A4 và 01 (một) cuộn băng dính màu trắng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) máy in Canon màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) cây máy tính màu đen Model D03S, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) màn hình Samsung màu đen Model B1930N, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HuaWei, màu xanh dương, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppe, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, màu ghi, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

(Tang vật hiện lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội theo Biên bản giao, nhận vật chứng số: 289/20 ngày 21/9/2020 giữa Công an quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội với Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội).

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị N, Nguyễn Thị H T, Trần Thị H và Trần Tuấn V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- VKS ND Q. Bắc Từ Liêm;
- Công an Q. Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q. Bắc Từ Liêm;
- Bị cáo;
- Lưu HS - VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Ngọc Cảnh